



HẠO CAO-ĐÀI

Gustave Meillon

Dịch Thuật

BAN ĐẠO SỬ CAO ĐÀI ÂU CHÂU

TÀI LIỆU SƯU TẦM 2017

hai • không • một • bảy

Ebook được làm theo tài liệu phổ biến trên Website **CAODAITV.FREE.FR**. Mọi góp ý, đề nghị bổ túc, sửa đổi những sơ sót, có thể có, do việc kết hợp làm ebook gây ra, xin vui lòng gửi điện thư vào địa chỉ: *tamnguyen351@live.com*

Thành thật tri ơn tác giả Gustave Meillon và BAN ĐẠO SỬ CAO ĐÀI ÂU CHÂU đã bỏ nhiều tâm-huyết và công sức trong việc sưu tập, biên khảo dịch thuật, đánh máy, phổ biến trên Website ngỗ hầu **GIÁO-LÝ ĐẠI-ĐẠO** được phổ truyền rộng rãi, lưu lại di-sản tinh-thần vô-giá cho thế-hệ hiện tại và nhiều thế-hệ tiếp nối mai sau.

California, 27/06/2017

Tâm Nguyên

ĐẠO CAO-ĐÀI

Gustave Meillon

Dịch Thuật
BAN ĐẠO SỬ CAO ĐÀI ÂU CHÂU



MỤC LỤC

ĐẠO CAO ĐÀI	7
LỜI DẪN NHẬP	9
ĐẠO CAO ĐÀI	11
QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ	13
KHÓA CẠNH TÔN GIÁO	25

GIỚI THIỆU

* Bài viết **ĐẠO CAO ĐÀI**,
nguyên tác của giáo sư **Gustave Meillon**

BỞI LĂNG KÍNH CỦA NGƯỜI PHÁP, LOAN TẢ
TRÊN NỘI SAN DÀNH CHO CÁC HỘI VIÊN ĐƯỢC
trao tặng Bảo Quốc Huân Chương của Pháp, tờ Le Ruban
Rouge, số 6 tháng 9 năm 1960, xuất bản tại Paris, với lời
giới thiệu của vị tướng Paul Bondis, có tính chất thời sự
lúc đó, không nhất thiết phản ảnh giáo lý và hoạt động
của Hội Thánh Cao Đài. Tuy nhiên, với mục đích tìm
hiểu quan điểm của người Tây Phương đối với Hội Thánh,
chúng tôi xin dịch nguyên văn bài viết của G.S. Meillon.

[*Do Ban Đạo Sử Cao Đài Âu Châu dịch thuật*]

LỜI DẪN NHẬP

NHIỀU TÔN GIÁO VÀ ĐẢNG PHÁI CHÍNH TRỊ HIỆN HỮU TẠI MIỀN NAM VIỆT NAM LÀ MỘT ĐẶC ĐIỂM CỦA MIỀN NÀY, NHƯNG LẠI LÀ MỘT DỮ KIỆN KHÁ BÌNH THƯỜNG TRONG LỊCH SỬ DÂN TỘC VIỆT ĐÔNG.

Dẫn chứng đặc điểm này, tương cũng nên nhắc đến các Hội kín hay các hội có tính cách thần bí, như Hội Khăn Đổng Vàng (Turbans Jaunes), Bạch Liên Hoa (Lotus Blancs) đã đóng vai trò ít nhiều quan trọng trong định mệnh của các quốc gia Đông Nam Á.

Quần chúng sống vì tín ngưỡng và tinh thần đơn giản, ham muốn tìm hiểu những thế lực siêu nhiên là một lập luận cần thiết để các hiệp hội phát triển và, nếu có một sự thúc đẩy chính trị nào đó, các hiệp hội này có thể động viên cả một đạo binh quyết chiến.

Những biến chuyển tiếp theo các biến cố năm 1945–46, việc quân đội Nhật chiếm đóng trước đó còn tác động mạnh đến quần chúng và đồng thời sự bất lực của Chính Quyền Trung Ương, trong những điều kiện đó, miền Nam Việt Nam có được một địa bàn thuận lợi cho sự phát triển những đảng phái tôn giáo chính trị đương thời và giúp họ gia tăng hoạt động. Thực ra, sau một thời kỳ xáo trộn các vị lãnh đạo tôn giáo miền Nam Việt Nam hiểu rằng chiến thắng toàn vẹn của Lực Lượng Cộng Sản sẽ thảm khốc cho những mục tiêu họ theo đuổi và vì lý do đó họ hợp tác cùng quân đội Pháp, đã đóng góp một phần nào

LỜI DẪN NHẬP

đó rất tích cực và đồng thuận, đôi khi còn phải xét lại trong những chiến dịch bình định.

Bỏ qua một bên giáo phái Hòa Hảo, những Đơn Vị Tiến Bước Bảo Vệ Công Giáo (Les Unités de Marche des Chrétientés), quân đội Bình Xuyên, một trong những chuyên gia về vấn đề Việt Nam, Ô. Meillon đã có nhã ý công hiến cho độc giả «*Ruban Rouge*» bài khảo cứu sau đây về đạo Cao Đài.

Paul Bondis.

ĐẠO CAO ĐÀI

CẦN ĐÂY, GIÁO PHÁI CAO ĐÀI ĐÃ HAI LẦN LÀ ĐỀ TÀI TIN TỨC THỜI SỰ VIỆT NAM. TA LẠI cần nhấn mạnh về sự kiện này hơn vì từ năm 1956, năm quân đội Cao Đài sát nhập vào Quân Đội Quốc Gia (ngày 24-02-1956) là năm ký kết Thỏa Hiệp Tây Ninh (ngày 28-20-1956), người ta không còn nhắc tới Cao Đài nữa, ngoại trừ ngày Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui tiên tại nam Vang ngày 17-05-1959.

Đầu tháng 7-1959, vài nhật báo Sài Gòn loan tin về vụ biến thủ 2 triệu đồng nhân dịp xây cất một trại gia binh cho quân đội Cao Đài tại Xuân Hiệp, Thủ Đức năm 1955. Trong một cuộc họp báo ngày 07-07, Bộ Quốc Phòng tức khắc cải chính tin này. Bộ cho hay vị tướng Cao Đài Văn Thành Cao năm 1955 đã tự ý giao cho một sĩ quan trọng trách xây cất trại; thế nhưng đơn vị biệt phái này đã phải chuyển quân đi nơi khác trước khi công trình hoàn tất và vì thế công việc xây cất đành bỏ dở.

Bộ còn cho biết tướng Văn Thành Cao có xin Bộ một số tiền cao hơn 6 triệu đồng để trả nợ, song đơn xin ngân khoản này đang được cứu xét và Bộ chưa có quyết định gì cả.

Ngày 22-11, Hội Phục Hưng Việt Nam sáng lập năm 1949, mở Đại Hội nhằm quy tụ mọi thành phần nhân dân Việt Nam. Hội được giới thiệu như một phong trào độc lập với Cao Đài, nhưng thực tế lại thần phục giáo

lý Cao Đài. Đây chính là sự hồi sinh Việt Nam Quang Phục Hội sáng lập năm 1936 và do Kỳ Ngoại Hầu Cường Để bảo trợ, Kỳ ngoại hầu hiện đang tỵ nạn tại Nhật Bản và tích cực cổ võ cho phong trào quốc gia Việt nam. Tờ Viễn Đông Nhật Báo (Le Journal d'Extrême Orient) số ra ngày 20-11, nhân dịp Đại Hội khai mạc, khẳng định đây là một tổ chức chính trị gồm «đa số người Cao Đài» và có «khoảng 2 triệu hội viên» (hầu hết là người Cao Đài), Đức Hộ Pháp và Hội Thánh Cao Đài ngày 02-12 đã viết thư cho nhật báo «*vì quyền lợi tối thượng của đạo Cao Đài và vì tôn trọng sự thật*» yêu cầu nhật báo đính chính lại như sau:

1. Hội nói trên gồm một số hội viên Cao Đài duy nhất thuộc Tòa Thánh Tây Ninh.
2. Đạo Cao Đài khoảng 2 triệu tín đồ, đa số được phân chia ra các Hội Thánh khác biệt với Tòa Thánh Tây Ninh và không có liên quan gì với các đảng phái khác.
3. Cao Đài là một tôn giáo và không thể đồng hóa với một tổ chức chính trị, mà cũng không có đại diện chính trị nào cả.

Sự thật, tại Pháp, người ta cho rằng phong trào này không còn có lý do tồn tại nữa và sau khi đã giữ một vai trò chính trị-quân sự trong suốt mười năm qua, phong trào đã biến mất khoảng năm 1956.

Những sự kiện nêu trên, với những lời minh xác dẫn chứng, nêu rõ những sự sai lầm khái niệm này.

QUÁ TRÌNH LỊCH SỬ

N NGÀY THÀNH LẬP CHÍNH THỨC ĐẠO CAO ĐÀI LÀ NGÀY 07-10-1926, THỜI KỲ PHÁT SANH RA ĐẠO thực ra kéo dài từ đầu thế kỷ 20.

Những biến cố làm rung chuyển Viễn Đông (Chiến tranh Nga Nhật, Cách Mạng Trung Hoa, sự bành trướng của Nhật Bản) vang dội đến Việt Nam, một thể hệ trí thức mới thấm nhuần văn hóa Pháp xuất hiện. Nhóm này không dứt khoát hẳn với quá khứ, mà còn nhận thức rõ hơn về những ý tưởng tiến bộ và tự do, giá trị cá nhân. Tại Miền nam Việt Nam, lúc đó còn gọi là Nam Kỳ, diễn tiến lại càng nhanh hơn, thể chế chính trị đưa tới một sự thay đổi xã hội truyền thống sâu đậm hơn và tình trạng kinh tế phồn thịnh thuận lợi cho việc xuất hiện một giai cấp mới, giai cấp điền chủ giàu có với ảnh hưởng ngày càng gia tăng.

Thế nhưng quy chế thuộc địa cùng một lúc lại kềm hãm nguyện vọng quốc gia đang thành hình và khi nhóm nào đó hiếm hoi được chính quyền thuộc địa thỏa mãn thì lại càng soi sáng hơn những thỉnh nguyện của nhiều nhóm khác.

Trước viễn tượng bế tắc này, thanh niên Việt nam thấm nhuần tư tưởng Tây phương đi tìm con đường mới khả dĩ đưa họ tới một thể quân bình và bảo đảm cho họ một cuộc sống thích hợp với nguyện vọng của họ.

Noi theo gương các cựu nho sĩ, một số người kêu

gọi Thần linh; họ dựa vào thông thần lực để tìm hiểu qua thông điệp hay câu sấm thế giới bên kia một giải pháp cho những vấn đề cần giải quyết và một phương thuốc cho những thắc mắc làm họ ray rứt.

Tại Việt Nam, Đạo Cao Đài xuất hiện là do sự gặp gỡ giữa Đông Phương và Tây Phương, tạo ra thế bất quân bình, và do công cuộc tìm kiếm một trật tự mới để cho mỗi người tìm thấy một đời sống tốt đẹp và những mối tương quan phóng khoáng hơn.

Ngài Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu, người Cao Đài đầu tiên, sinh tại Bình Tây, gần Chợ Lớn, ngày 28-02-1878. Ngài được học bổng theo học trường trung học Mỹ Tho, đậu văn bằng Thành chung và trúng tuyển năm 1899 kỳ thi tuyển chọn thư ký cho Toàn Quyền Pháp.

Khiêm tốn, không hề có cao vọng, Ngài Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu một mực liêm khiết đảm nhiệm nhiều chức vụ hành chánh. Năm 1902, đang tại chức tại thủ Dầu Một, các bạn mời Ngài cầu cơ, cơ hiện lên và khuyên Ngài cố gắng theo đuổi con đường Ngài đang đi. Từ đó Ngài chú tâm thực hành đạo Lão đã chiếm ngự mọi thú tiêu khiển của Ngài thời thơ ấu. Ngài tìm hiểu nghiên cứu hơn các sách vở bàn về đạo Lão và tâm linh. Chẳng bao lâu Ngài tìm ra phương cách truyền thông với thế giới bên kia.

Năm 1920, người ta thấy Ngài hành xử chức vụ đại biểu hành chánh tại đảo Phú Quốc. Nơi đây Ngài được tự do hơn và cho phép Ngài tập hợp một nhóm Đồng tử trẻ để cùng nhau thường xuyên tham vấn Vong linh. Có một Đấng thị hiện giao cho Ngài sứ mạng rao truyền trên thế gian này một tôn giáo đại đồng, biểu tượng bởi Thiên Nhân với con người mở rộng, đạo CAO ĐÀI.

Cũng trong thời gian đó, tại Sài Gòn, nhiều nhóm Đồng tử do nhóm trẻ thư ký Toàn Quyền tổ chức cũng sinh hoạt. Họ sử dụng «*chiếc bàn nhíp*» phò cơ, phương thức chậm mà lại bất tiện. Nhưng không có một liên hệ nào giữa nhóm này với nhóm nọ. Về phần Ngài Đốc Phủ Ngô Văn Chiêu, Ngài được thuyền chuyển về Sài Gòn năm 1924 và cùng với vài đệ tử, đêm đến, Ngài tiếp tục cầu cơ và nhận thông điệp.

Việc vào đạo lấy lòng của viên Cố Vấn Thuộc Địa Lê Văn Trung xảy ra năm sau. Là một nhân vật nổi tiếng, cựu công chức trở thành đầu khoán công chánh, bị khánh sản sau khi gom góp được một tài sản kếch sù, rất ham thích thú vui trên thế gian này, ông Lê Văn Trung nhận lời mời của một người bà con sùng tín đạo Lão tham dự một buổi cầu cơ tại ngoại ô Sài Gòn. CHÍ TÔN thị hiện, khuyên ông thay đổi đời sống và thông báo cho ông biết ông sẽ có một tương lai rạng rỡ.

Rất xúc động, chẳng bao lâu ông trở nên một người tu khổ hạnh.

Tin về sự thay đổi hoàn toàn cách sống này được bàn luận nhiều cách, gây ra một sự gia tăng cầu cơ và lôi kéo theo một số đồng tử.

Trong các nhóm đó, chỉ có nhóm của ông Phạm Công Tắc, nhân viên quan thuế, là nổi tiếng nhất. Một Đấng giảng Đàn, lời dạy bảo sâu sắc của Đấng làm cử tọa ngạc nhiên, Đấng giữ kín danh tính Đấng và chỉ xưng tên mình với ba chữ cái đầu A Ẵ Ẫ vẫn Quốc ngữ. Trong đêm ngày 24-12-1925, CHÍ TÔN cho biết rõ danh tính mình: “*Đạo hữu hãy ăn mừng ngày lễ. Đó là ngày ta giảng thể trời Ấu để truyền đạo ta...*”. Người ta không còn nghi ngờ gì nữa,

Cao Đài là Vị Tối Cao, là Đức Cao Đài Thượng Đế. Ta dễ dàng tưởng tượng tầm quan trọng của sự khám phá này.

Các đồng tử sau đó nhận được lệnh liên lạc với các nhóm để hợp nhất lại. Họ còn nhận được sứ mạng loại bỏ cái bàn nhíp để thay thế bằng cái giỏ mỏ và phải đến gặp Ngài Ngô Văn Chiêu để Ngài truyền đạo. Ngày 18-02-1926, Phạm Công Tác và Lê Văn Trung đến gặp Ngài Ngô Văn Chiêu. Sự hợp nhất được thực hiện trong một thời gian. Nhưng Ngài Ngô Văn Chiêu, vị «*huynh trưởng*» hình như sợ hãi cao trào quần chúng khả dĩ xảy ra. Vai trò của Ngài lu mờ và Ngài rút về Cần Thơ cùng vài đệ tử, Ngài là người đầu tiên thành lập Chi Phái Cao Đài Chiêu Minh.

Ngài qui tiên ngày 18-04-1932.

Ngày từ tháng 4-1926, Lê Văn Trung lãnh đạo phong trào. Nhờ tài tổ chức của ông, sự tuyên truyền khôn ngoan, những bí hiểm về tôn giáo mới ra đời đã thu hút được số đông người vào Đạo và gồm đủ mọi thành phần giai cấp muốn tìm hiểu cái mới lạ. Ngày 07-10-1926, vị Toàn Quyền Nam Kỳ nhận được tờ «*Khai Đạo*» chính thức thành lập đạo Cao Đài. Thận trọng viên Toàn Quyền ghi nhận sự kiện mà không chính thức thừa nhận đạo Cao Đài.

Việc viên Toàn Quyền để dấu ghi nhận sự kiện đủ để giúp cho những người truyền Đạo phổ biến Đạo mình. Chỉ vài tuần sau, đã có 20000 đệ tử vào Đạo. Thành quả này làm Chính Quyền đương thời lo lắng nhìn thấy phong trào lan rộng qua Cam Bốt. Tại Tây Ninh, khoảng một trăm cây số Tây bắc Sài Gòn, cách Cam Bốt không xa lắm, người Cao Đài bắt đầu xây Tòa Thánh nhờ số nhân công, công quả và quỹ phước sương quan trọng. Nhân

ngày Đại lễ «*Khai Đạo*» từ 18 đến 26 tháng 11 năm 1926, Tân Kinh, Đạo Luật, Pháp Chánh Tuyên và cơ cấu tổ chức hành chánh được thành lập, ông Lê Văn Trung được thiên phong làm Đức quyền Giáo-Tông. Đạo Cao Đài từ đó củng cố uy thế và phổ độ.

Hàng trăm ngàn người Cam Bốt hành hương do các nhà sư hướng dẫn, từng đoàn một, mỗi ngày đổ về Tây Ninh làm cho Chính Quyền lo âu. Bộ Trưởng bộ Lễ Cam Bốt nhiều lần buộc phải bảo vệ nền Phật Giáo truyền thống, rồi lại chính thức lên án đạo Cao Đài vào cuối năm 1927. Trước những biện pháp trừng phạt cứng rắn ban hành, đoàn người di chuyển về Tây Ninh hầu như ngưng hẳn. Thế nhưng việc truyền đạo Cao Đài lại được phổ biến tại chỗ, kín đáo và thận trọng, dưới sự bảo trợ của một Đảng hăng say hơn hết trong các cuộc biểu tình: văn hào Victor Hugo.

Trong những năm kế tiếp, nhiều cuộc đụng độ trầm trọng xảy ra vì Chính Quyền Bảo Hộ đề ra biện pháp cứng rắn. Hậu quả là có những chiến dịch báo chí nảy lửa và vài vụ kiện tụng nổi tiếng đã ảnh hưởng tới chính quyền Pháp. Và khi Mặt Trận Nhân dân lên nắm chính quyền tại Pháp, Mặt Trận thừa nhận cho người Cao Đài được quyền tự do tín ngưỡng năm 1934. Tháng năm 1937, Phối-Sứ: Trần Quang Vinh, «*Trưởng phái bộ Truyền Giáo Ngoại Quốc (Mission Etrangère)*» long trọng khánh thành Hội Thánh Ngoại Giáo tại Nam Vang. Thế nhưng, những trở ngại trong những năm đầu, (Hội Thánh Cao Đài Thế Giới), và sự thành lập chi phái của các chức sắc Thiên Phong làm cho đa số dân Cam Bốt không đến Tây Ninh nữa.

Trở lại Tây Ninh. Năm 1930, Tòa Thánh cho biết có được 500000 tín đồ, một phần tám dân số dân miền Nam Việt Nam. Kết quả có lẽ còn cao hơn nếu không xảy ra những sự xung đột trầm trọng, không phải vì vấn đề giáo lý, mà vì vấn đề nhập thế, đưa tới việc các chức sắc từ chức bỏ đi. Thành lập nhiều chi phái Cao Đài phổ độ khác nhau rải rác nhiều nơi trong nước làm giảm uy tín Tòa Thánh Tây Ninh. Tuy nhiên, những sự tố cáo bất nhã được tung ra, va chạm ngay đến bản thân Giáo Tông Thượng Trung Nhật, làm cho Tả Đạo lớn dần và lại đưa tới những sự từ chức khác. Cùng lúc đó, một cuộc khủng hoảng kinh tế trên khắp Đông Dương cũng ảnh hưởng đến Tòa Thánh, thay vào cảnh trù phú trước đây, nạn đói kém hoành hành khắp nơi.

Giáo Tông Lê Văn Trung, đau ốm, kiệt sức vì phải đương đầu với những cuộc tranh chấp, Giáo Tông Thượng Trung Nhật qui tiên ngày 08 tháng 11 năm 1934.

Không còn ai để thay thế chức vụ của Ngài. Qua năm sau, trong khi những cuộc tranh chấp còn đang nóng hổi, Hội Thánh nhóm họp, trao sứ mệnh Chương quản nhiệm hữu hình Đài cho Đức Hộ-Pháp Phạm Công Tắc.

Trong những năm khủng hoảng, Ngài luôn luôn sát cánh với Giáo Tông Thượng Trung Nhật và càng ngày Ngài càng giữ một vai trò quan trọng.

Từ ngày 12 tháng 11 năm 1935 tới ngày 17 tháng 5 năm 1959, ngày Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui tiên, đối với đa số tín đồ Cao Đài, Ngài là vị Hộ Pháp tối cao đạo Cao Đài.

Nỗ lực truyền giáo đạo Cao Đài được tiếp tục thuận

lợi hơn nhờ đường hướng mới của chính sách thuộc địa, tự do thờ cúng trên toàn cõi Đông Dương và tỉnh Tây Ninh dần dà trở lại yên tĩnh. Và lại cũng phải kể đến sự khôn ngoan và khéo léo của Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc.

Thế nhưng sinh hoạt của các chi phái vẫn tồn tại. Các chi phái này muốn giữ tư cách độc lập của mình, củng cố ban chấp hành, làm ta có cảm tưởng không có những cuộc tranh chấp giữa nhóm này với nhóm nọ. Một «*Hội Nghị chi phái Cao Đài Toàn Quốc*» nhóm họp năm 1936, bầu ông Nguyễn Phan Long, cố vấn thuộc địa và quảng cáo gia vào chức vị Chủ Tịch, hy vọng nhờ có tiếng tăm, ông sẽ kết hợp được những người còn lừng chừng. Tuy vậy, sau ba năm, kết quả gặt hái được không có bao nhiêu. Tòa Thánh Tây Ninh đứng ngoài cuộc tranh chấp này và duy trì được một uy tín thực sự đối với đa số đạo hữu Cao Đài.

Trước ngày Thế Chiến thứ hai bùng nổ, các cuộc tranh chấp nguôi bớt vì người ta còn phải chú tâm tới nhiều vấn đề khác, nhất là tìm hiểu thái độ của một số nhân vật Cao Đài tự coi là kháng chiến quốc gia. Dưới chiêu bài quốc gia, có những buổi phò cơ, chấp bút đưa ra những suy đoán về cuộc chiến và những hậu quả của nó. Tòa Thánh Tây Ninh không nhìn nhận câu sấm này là đúng, nhưng nhiều vị chức sắc tỏ ra có cảm tình với nhóm quốc gia và mong mỗi nước Nhật Bản sẽ đóng một vai trò tất định giúp nhóm quốc gia thực hiện hoài bão của họ.

Tại Nhật Bản, Kỳ Ngoại Hầu Cường Để, con cháu thuộc hệ chính Gia Long, người sáng lập ra triều Nguyễn (1802), lánh nạn nơi đây từ năm 1906, tranh đấu chống chính quyền thuộc địa. Năm 1936, Kỳ Ngoại Hầu sáng lập Việt Nam Quang Phục Hội và uy tín của ngài ngày càng

lớn mạnh nơi các giới chức Cao Đài. Đồng Minh thảm bại năm 1940 báo hiệu Kỳ Ngoại Hầu Cường Để sắp trở về Việt Nam. Tiếng đồn loan truyền đi làm nhiều người Cao Đài hưởng ứng, hậu thuẫn Kỳ Ngoại Hầu. Chính Quyền địa phương có nhiều lý do để canh chừng mật thiết hơn. Toàn Quyền Decoux nghĩ cần đề ra biện pháp mạnh.

Năm 1940, nhiều Thánh thất Cao Đài bị đóng cửa. Phong trào giành độc lập tiếp tục đấu tranh. Năm 1941, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc và năm vị chức sắc Cao Đài bị bắt đày đi Madagascar. Việc chính quyền thuộc địa càng ngày càng đàn áp mạnh làm cho chức sắc Cao Đài phải đào ngũ, chạy trốn ra ngoại quốc. Vì tình hình đưa đẩy, phong trào Cao Đài thay đổi hình thái và trở nên một phong trào chính trị do các Tín Đồ Cao Đài thành lập.

Quân đội Nhật đồn trú tại miền Nam Đông Dương thừa dịp khai thác nổi bất bình do nhà cầm quyền thuộc địa gây ra. Mới đầu họ bảo vệ Thánh Thất Nam Vang, nơi đây các đạo hữu nhận lệnh và chỉ thị của Hội Thánh. Sau đó, vì chính quyền thuộc địa phản đối, ngay sau khi cho phép Thánh Thất Nam Vang hành lễ tự do, họ lại ra lệnh đóng cửa liền và Tháng 10 năm 1940 thành lập tại Sài Gòn một sự hợp tác Cao Đài–Nhật Bản cũng chỉ vì quyền lợi chung.

Phối Sư Trần Quang Vinh, cựu Trưởng phái đoàn Cam Bốt, qua huyền diệu cơ bút nhận lệnh tạm thời lãnh đạo Hội Thánh. Cho tới ngày Nhật Bản thua trận, Ngài là linh hồn của sự hợp tác Cao Đài–Nhật Bản dù rằng Ngài không ưa thích gì Nhật và đôi bên thường canh chừng nhau trong những buổi thương thảo.

Đây cũng là thời kỳ Kỳ Ngoại Hầu Cường Để liên

lạc với quân đội Cao Đài, kêu gọi họ gia nhập Việt Nam Quang Phục Hội, hàng ngàn người tự nguyện gia nhập và được các huấn luyện viên Nhật Bản huấn luyện về tình báo và chiến đấu. Một lực lượng quân sự Cao Đài dần dà hình thành và được ngụy trang dưới nhãn hiệu một công ty xây cất thuyền bè tuyển nhiều nhân công. Ngày 9 tháng 3 năm 1945, ngày đảo chính chống lại chính quyền Pháp, các chiến sĩ Cao Đài công khai ra mặt, chứng tỏ họ là những phần tử đáng kể trợ tá quân đội Nhật.

Qua ngày sau, dân chúng được tự do cúng bái và các tín đồ tìm đến Thánh thất. Quân đội Nhật thừa nhận sự hiện hữu của một lực lượng quân sự Cao Đài với Bộ Tham Mưu đặc biệt. Thế nhưng bom nổ ở Hiroshima và Nagasaki chấm dứt sự bành trướng lực lượng Cao Đài. Thảm bại, Nhật Bản rút khỏi Việt Nam. Mặt trận Việt Minh, dưới sự lãnh đạo của cộng sản, lên nắm chính quyền. Người Cao Đài thận trọng liên hiệp với Việt Minh mà vẫn duy trì tính cách tự trị của mình.

Vai trò của Phối Sư Trần Quang Vinh lu mờ. Ngài bị Việt Minh bắt, vượt ngục, nhưng lại bị quân đội Pháp đang mở chiến dịch càn quét quân đội Cao Đài tại Sài Gòn Ngài bị bắt một lần nữa. Vì quyền lợi của Giáo Hội, Ngài cho rằng nên thương thảo với Pháp.

Pháp chính thức thừa nhận đạo Cao Đài, cho phép các chức sắc Cao Đài từ Madagascar hồi hương, ngược lại Ngài hứa quân đội Cao Đài sẽ hợp tác với quân đội Pháp bình định đất nước và thiết lập một chính thể mới chiếu theo những lời hứa được tuyên bố tại Brazzaville. Thỏa hiệp này được ký ngày 9 tháng 6 năm 1946.

Ngày 21 tháng 8, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc trở

về Việt Nam.

Ngày 20, Ngài trở lại Tòa Thánh Tây Ninh. Sau đó, Ngài tổ chức lại ngay phong trào, việc làm tương đối dễ dàng về mặt tôn giáo, nhưng lại khó khăn hơn về mặt chính trị và quân sự. Nhờ có uy tín, Ngài đã khắc phục được mọi tranh chấp trong giới chức Sắc Cao Đài.

Việc quân đội Cao Đài hậu thuẫn cho quân đội Pháp chống lại Việt Minh đưa ra nhiều lời bàn luận. Người ta đã phê phán Ngài nhiều cách. Có những nhóm chiêu hồi xen lẫn với những kẻ bỏ ra đi trong sự hợp tác này, ít nhiều chặt chẽ, ít nhiều thân hữu tùy theo thời điểm.

Có một lúc, các cấp chỉ huy Pháp hầu hết ước mong có được dưới quyền họ các chiến sĩ Cao Đài nổi tiếng vì kiên trì và can đảm. Tuy nhiên người ta thường hay quên là quân đội Cao Đài chiến đấu cho tôn giáo và cho xứ sở họ vì thế có những cuộc xung đột, những khó khăn từng thời kỳ xuất hiện và cuối cùng không khí đổ kỵ lan tràn khắp các cấp.

Có lẽ Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc ước mong giữ một vai trò trung gian, hòa giải và được đưa lên hàng giáo phẩm cao nhất. Những liên hệ của Ngài với các đoàn thể chính trị, ngay cả đoàn thể đối nghịch, lập trường đôi khi lỏng lẻo Ngài đưa ra làm người ta ngờ vực Ngài, dù Ngài là một nhân vật nổi tiếng, có ảnh hưởng và được người ta nghe theo lời cố vấn của Ngài. Nhiều lần Ngài cố gắng liên kết mọi lực lượng chiến đấu chống cộng. Thế nhưng mỗi đảng phái lại muốn bảo toàn lập trường chính của họ thành ra những nỗ lực của Ngài không kết quả lắm.

Ngày mùng 5 tháng 7 năm 1954, Thủ Tướng Ngô

Đình Diệm lập chính phủ đầu tiên, trong những điều kiện khó khăn mà mọi người đều biết, sau hội nghị Genève. Ông Diệm muốn nắm quyền hành trên toàn lãnh thổ Việt Nam, cố gắng thỏa thuận lâu dài với các đảng phái và đem lại cho quân đội vị trí xứng đáng cho một quốc gia có tổ chức. Nhưng các đảng phái tôn giáo chính trị đang chiếm ngự một phần lãnh thổ, không muốn uy quyền của họ bị thu hẹp. Năm 1955, Thủ Tướng Diệm quyết định bẻ gãy những ổ kháng chiến. Ông sát nhập một phần quân đội Cao Đài vào quân đội quốc gia. Ông triệt guồng máy quân sự có tổ chức của các đảng phái tôn giáo chính trị và đưa quân đội quốc gia đến chiến thắng.

Quân đội của tướng Văn Thành Cao đánh chiếm Tòa Thánh Tây Ninh ngày 17 tháng 2 để «*duy trì trật tự công cộng*». Ngày 24 tháng 2, tướng Nguyễn Thành Phương đặt đơn vị của ông dưới quyền Chính Phủ Diệm.

Chiếu theo Thỏa Hiệp ngày 28 tháng 2, chức sắc Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh chỉ còn sinh hoạt hoàn toàn tôn giáo và quy theo luật lệ của một nước Cộng Hòa.

Ba mươi năm sau ngày thành lập, đạo Cao Đài mới tìm lại con đường tu đạo. Một Hội Nghị tại Tòa Thánh diễn ra từ ngày 11 đến 14 tháng 5 năm 1957 Đức Thượng Sanh Cao Hoài Sang chủ trì Hội Thánh.

Hai năm sau, Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc qui tiên tại Nam Vang, thọ 70 tuổi.

KHÓA CẠNH TÔN GIÁO

DẠO CAO ĐÀI DO ĐỨC NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ GIẢNG CƠ LẬP MỘT NỀN TÔN GIÁO TẠI VIỆT NAM đêm Giáng Sinh ngày 24 tháng 12 năm 1925. Đứng ra phải gọi là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là nền đạo do Thượng Đế khai lần thứ ba tại Đông Phương.

Đạo Cao Đài dựa vào chu kỳ trong vũ trụ cho rằng Đức Chí Tôn mới đầu hiện thân là vật thể tâm linh và qua ngôn từ để dẫn nhập các đồng tử. Thời kỳ này gọi là Đại Đạo Nhứt Kỳ Phổ Độ và tương ứng với thời kỳ Moise ở Tây Phương, các vị hoàng đế Phục Hy, Thần Nông và Huỳnh Đế ở Đông Phương.

Đại Đạo Nhị Kỳ Phổ Độ khai vào thời Đức Thích Ca Mâu Ni, Khổng Tử, Lão Tử ở Đông Phương và Chúa Giê Su, Mahomet ở Tây Phương.

Trong chu kỳ này, Đức Chí Tôn hiện thân là con người, làm con của Ngài là các Tông Đồ để truyền giảng Đức Tin của Đức Chí Tôn đến chúng sinh.

Mỗi chu kỳ chấm dứt bằng một sự mạt vận, (Hạ người) thoái hóa xã hội.

Ngay chính tôn giáo cũng khổ sở về những đổi chiều tội lỗi. Đức Chí Tôn đầy lòng nhân ái phổ độ chúng sinh và dẫn dắt chúng sinh trở lại con đường thánh đức (Thượng người).

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ lần này do sự thị hiện của

thần linh. Đức Ngài dùng huyền diệu cơ bút để truyền đạo.

Trên nguyên tắc, đạo Cao Đài không hề tự cho là một tôn giáo mới, hay nhằm thay thế các tôn giáo hiện hữu. Đạo Cao Đài không chối bỏ nền tảng giáo lý sẵn có trên thế gian này mà cũng không loại bỏ một giáo lý nào cả vì cho rằng giáo lý nào cũng có một nguồn gốc thần linh. Thế nhưng chúng sinh trong lúc yếu đuối lại muốn đặt để ra tín ngưỡng, cho là hơn các tín ngưỡng khác, những tác động của chúng sinh gây nên sự thoái hóa các tôn giáo và khi chúng sinh xa lánh tôn giáo tức là xa lánh con đường do Đức Chí Tôn vạch ra.

Đức Chí Tôn nhất định quy «*nguyên phục nhưit*», hợp nhất tất cả các giáo lý hiện hữu. «*Kỷ nguyên Đại Đông*» ra đời. Các tín đồ Cao Đài tuân theo lệnh thần linh chỉ có một mối lo duy nhất, làm sao loại bỏ mọi dị đồng giữa các tôn giáo. Họ từ bỏ mọi ý tưởng phe phái, tỏ ra rất khoan dung nhằm bảo đảm sự tồn tại của một đức tin duy nhất, nguồn hạnh phúc của nhân loại. Phải chăng thế giới chẳng tranh đấu trong mọi lãnh vực để đạt tới Thống Nhất?

Như vậy ta có thể hiểu thế nào là ngũ chi phục nhưit trong đạo Cao Đài (Nhơn Đạo, Thần Đạo, Thánh Đạo, Tiên Đạo và Phật Đạo). Trước mắt chúng ta là một đề luận về sự hòa hợp tôn giáo, thay vì theo tiếng gọi con tim hay thần bí, người ta dùng phương pháp thông thần lực.

Nước Việt Nam biết thực dụng thông thần lực từ lâu. Trong những đền thờ Tiên Đạo, người ta thường kêu gọi vong linh nhập vào đồng tử.

Khi lên đồng, thần nhập vào hồn người lên đồng,

thường là phái nữ. Nhưng phải có một yếu tố nào mới để cách lên đồng hồi sinh. Thông thần lực từ phương Tây thế kỷ qua du nhập vào Việt nam đầu thế kỷ này đóng một vai trò hồi sinh. Trong các trường phái, phải kể trường phái của Allan Kardec là được đặc biệt chú ý nhất.

Như ta biết cái bàn Cơ được thay thế bằng Cơ Bút là cái giỏ có mỏ, hình ống bằng mây, đường kính khoảng 20 phân bao lụa vàng và có một cái tay cầm bằng gỗ chạm đầu con phượng. Muốn tiếp xúc với thế giới bên kia, hai đồng tử ngồi đối diện nhau, tay cầm cái giỏ lật ngược lại. Và khi đồng tử tiếp xúc với vong linh, đồng tử làm cho cái giỏ chuyển động. Mỏ phượng gõ vào một cái bảng có chữ quốc ngữ, gõ từ chữ này qua chữ khác kết thành những từ, thành câu. Có khi mỏ phượng cầm bút lông hay cây viết chì, trực tiếp viết thành chữ quốc ngữ hay chữ Hán. Đôi khi mỏ phượng di chuyển đến một cái khay có cát mịn hay viết trên không, trường hợp này hiếm xảy ra, và đồng tử phải khôn khéo lắm mới đọc được câu viết.

Giáo lý Cao Đài phát xuất từ những phương thức phò cơ. Đồng tử góp nhặt những câu truyền giảng, đa số những thông điệp và chỉ thị chính xuất phát từ vong linh Lý Thái Bạch, thi sĩ Trung Hoa thế kỷ thứ VIII, rất sùng đạo Lão, chết đuối vì say rượu mà lại muốn vớt ánh trăng dưới dòng sông. Lý Thái Bạch là vị Giáo Chủ tinh thần của đạo Cao Đài. Mọi câu truyền giảng bẻ Cơ vào năm 1930. Từ đó, đa số các thông điệp nhận được chỉ dùng để chú thích mà thôi, mà lại không được Tòa Thánh Cao Đài chính thức thừa nhận. Tưởng cũng đừng quên trong số những vị vong linh Tây phương hằng say nhất còn có Jeanne d'Arc và Victor Hugo được xếp lên hàng đầu.

Đạo Cao Đài dạy rằng tất cả các tín ngưỡng đều là những biểu hiện khác nhau vì tính cách đa dạng của nhiều thời đại và của nhiều giống người thờ phượng một Thượng Đế duy nhất, Chúa tể vũ trụ. Đạo Cao Đài xác nhận hồn hiện hữu, lìa khỏi xác, tiến bước trên con đường toàn thiện qua nhiều kiếp, kể cả kiếp người để làm tròn bổn phận đối với xã hội, gia đình và cho chính bản thân mình. Giáo lý Cao Đài cổ điển nhằm cải thiện con người, giữ gìn đạo đức và yêu thương nhân loại. Muốn được vậy, phải giữ giới cấm, gồm năm điều:

- Bất sát sanh;
- Bất du đạo;
- Bất tà dâm;
- Bất tửu nhục;
- Bất vọng ngữ.

Tứ Đại Điều Quy (bốn điều người học Đạo phải sửa mình: Vâng lời, khiêm cung, liêm khiết, kính) và tám con đường chánh (hiểu biết, ý chí, lời nói, hành động, đời sống, nỗ lực, tư tưởng, tinh tâm) sẽ dẫn con người đến chỗ toàn thiện.

Lễ nghi tổ chức tại Tòa Thánh Tây Ninh hay tại tư gia thật là đơn giản. Ngoại trừ những ngày lễ trọng đại được cử hành theo một thời khóa biểu tất định, lễ nghi mỗi ngày gồm bốn lần hầu lễ gọi là Tứ Thời (Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu) trước Thiên Bàn, thì dâng hoa, rượu, trà, tượng trưng cho tinh, khí, thần.

Trên bàn thờ có Thiên Nhân thể hiện Đức Chí Tôn toàn năng, toàn quyền, hiện diện khắp nơi.

Một ngọn đèn Thái Cực hình cầu bằng pha lê (tượng

trưng cho vũ trụ hay quả Càn khôn)) cháy sáng thường xuyên.

Trên bàn thờ còn có một cái lư và hai cây đèn cây cùng các lễ vật.

Cách tổ chức của đạo Cao Đài đậm nhiều dấu tích của những người sáng lập ra đạo, tất cả đều là nhân viên hành chánh.

Tòa Thánh gần Tây Ninh, khoảng 100 cây số Tây Bắc Sài Gòn, chiếm một khoảnh đất rộng với Thánh Thất và nhiều dinh thự công hay tư, tạo thành một thành phố tôn giáo với một số dân gần 10 000 người.

Quyền hành chỉ đạo đạo Cao Đài được phân chia thành ba Hội Thánh: Hội Thánh Cửu Trùng Đài, Hiệp Thiên Đài và Hội Thánh Phước Thiện.

Cửu Trùng Đài, tiêu biểu cho thế tục quyền. Đứng đầu một Đức Giáo Tông mà vong linh là Lý Thái Bạch. Ngài Lê Văn Trung chỉ là Quyền Giáo Tông tại thế. Khi Ngài mãn phần, không ai được Thiên phong. Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc chỉ nhận chức vị Hộ Pháp. Kế tiếp là 3 vị Chương Pháp, 3 vị Đầu Sư, 36 vị Phối Sư, 72 vị Giáo Sư, 3 000 Giáo Hữu và một số các tu sĩ. Các chức vụ được chia đồng đều cho ba tôn giáo chính (Phật, Lão, Khổng).

Hiệp Thiên Đài tiêu biểu cho giáo pháp và quyền thông công với Trời được đặt dưới quyền Đức Hộ Pháp Phạm Công Tắc cho tới khi Ngài mãn phần. Hiệp Thiên Đài gồm một số chức sắc giống như Cửu Trùng Đài. 15 vị cầm đầu Hiệp Thiên Đài được phân chia làm 3 chi, chi giảng dạy về giáo luật, chi trọng trách về tu học, chi chuyên về đời. Hội Thánh Phước Thiện thành phần như Cửu

Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài có nhiệm vụ chính quản lý tài sản và tìm mọi phương tiện để cứu mang người khốn khó. Việc điều hành Tòa Thánh Tây Ninh cũng nằm trong các trách vụ Hội Thánh Phước Thiện.

Tổ chức đạo Cao Đài còn phải kể các đại hội, các ban trị sự. Thế nhưng nhiều chức vụ lại thiếu người đảm trách và ngày nay sự khiếm khuyết còn nhiều hơn thế nữa vì người thì qua đời và cũng vì biến cố xảy ra.

Trên phương diện lãnh thổ, sự phân chia hành chánh được duy trì vì lý do thực tiễn. Năm vùng đều có mỗi vị Giáo Sư cai quản, các chức sắc nhỏ hơn hành xử trong các quận tùy theo nơi nào đạo Cao Đài có tín đồ. Tưởng cũng nên nhắc lại cách tổ chức Tòa Thánh Tây Ninh không liên hệ gì tới cách tổ chức các chi hội Cao Đài hiện hữu thường đơn giản hơn. Người ta phê bình nhiều cách về đạo Cao Đài và nhiều bài báo cũng đã đề cập tới.

Trong tờ «*Dépêche Coloniale*» (Tin Điện Thuộc Địa) đề ngày 15-05-1928, Jehan Cendrieux bàn về những nguyên nhân đưa tới sự hình thành đạo Cao Đài, cho rằng nước Pháp quá cả tin sẽ Tây hóa Đông Dương đưa tới tình trạng một sự tiến hoá quá nhanh chóng làm cho Đông Dương thờ ơ với nền tảng truyền thống đến nỗi nước «*Việt Nam hấp hối hổ thẹn không dám nhìn lại đàng sau và tự cảm thấy còn bám víu vào quá khứ với vài hồi tiếc nào đó*». Thành ra con người đi tìm một lối thoát... trong lãnh vực dễ dàng đạt tới..., nghĩa là chuyện di thường. Từ đó đạo Cao Đài đã được nhiều người hưởng ứng nhiệt liệt khi mới xuất hiện.

Tờ «*Midi Colonial*» (Nam Kỳ Thuộc Địa) ngày 01-01-1931 nói tới một sự «*lường gạt quy mô*», một «*mối nguy*

hiểm thực sự cho nền an ninh Đông Dương». Tuy nhiên, trong những năm 1930, 1931, các phong trào Việt Minh gây đẫm máu vài vùng trong khi nhóm Cao Đài lại không liên quan gì đến. Dân biểu Đông Dương Ernest Outrey, lúc đầu rất là chống đối đạo Cao Đài, ngày 18-07-1932 viết: “Quả thực từ lâu tôi rất hoài nghi và đố kỵ nhóm Cao Đài. Tôi đã thực tâm yêu cầu chính quyền phải khẩn khe kiểm soát họ. Nhưng, hôm nay tôi tin rằng những tin tức người ta cung cấp cho tôi, nếu không hoàn toàn sai lầm thì cũng quá thổi phồng... Sự kiện này làm tôi quyết định đòi hỏi cho họ có được một chế độ tự do về mặt tôn giáo.

Thực ra, tất cả những ai vì chức vụ, quyền lợi hay quả đoán gắn chặt với một nền trật tự được thiết lập tại Đông Dương và khi thấy một phong trào mang màu sắc tôn giáo ra đời trong hoàn cảnh xã hội khó khăn, với các tín đồ dẫn thân vào phong trào quốc gia ngày càng bành trướng, cảm thấy lo ngại. Lý do này giải thích phần lớn những sự chống đối đạo Cao Đài. Và những kẻ chống lại thông thần lực lên án một giáo lý dựa vào phò cơ và cho rằng không thể chấp nhận được.

Lúc đầu đạo Cao Đài phát triển nhờ hoàn cảnh thuận lợi, nhưng sau đó lại gặp nhiều khó khăn vì các biến cố xảy ra. Những sự thành lập các chi phái làm suy giảm, chánh quyền ngăn chặn đạo bành trướng. Sau đó đạo lu mờ một thời gian và người ta thấy một phong trào chính trị-tôn giáo lớn mạnh giữa năm 1942 và 1955, một hình thức quốc gia trong quốc gia.

Trật tự tại Việt Nam vãn hồi với Hiệp Định Genève không thể dễ dãi với một hoàn cảnh như vậy. Mọi người đều biết những gì đã xảy ra. Những vị lãnh đạo quốc gia

đã khôn ngoan tránh được hiểm họa. Đức tin chân thành của các chức sắc Cao Đài và các tín đồ đã cứu mang được Đạo và đạo Cao Đài ngày nay là một tín ngưỡng nổi tiếng Đông Nam Á, khả kính cho mọi tín ngưỡng chân thật.

* GUSTAVE MEILLON

ĐẠO CAO ĐÀI

Gustave Meillon

Dịch Thuật

BAN ĐẠO SỬ CAO ĐÀI ÂU CHÂU